Biểu số 3

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SCT ngày / 10 /2024 của Sở Công Thương)

Đơn vị: Văn phòng Sở Công Thương Bình Định
Chương: 416

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ III/2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, Văn phòng Sở Công Thương tỉnh Bình Định công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Quý III năm 2024 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 3	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 3 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**	**317**	**465,777**	**146,933**	
	Lệ phí	**2**	**0**	**0,000**	
	Lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2	0	0,000	
	Phí	**315**	**465,777**	**147,866**	
	Phí thẩm định cấp phép sử dụng VLNCN	30	6,75	22,500	
	Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm và thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm	20	6,3	31,500	
	Phí thẩm định hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại	100	23,7	23,700	
	Phí thẩm định cấp giấy phép HDĐL	5	8,18	163,600	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 3	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 3 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	Phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư dự án	10	1,219	12,190	
	Phí Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	150	419,628	279,752	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**239,0**	**408,46**	**170,903**	
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**78,0**	**57,318**	**73,484**	
	Lệ phí	**2**	**0**	**0,000**	
	Lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2	0,0	0,000	
	Phí	**76,0**	**57,318**	**75,418**	
	Phí thẩm định cấp phép sử dụng VLNCN	3	0,675	22,500	
	Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm và thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm	6	1,890	31,500	
	Phí thẩm định hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại	50	11,9	23,700	
	Phí thẩm định cấp giấy phép HDĐL	1	0,818	81,800	
	Phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư dự án	1,0	0,122	12,190	
	Phí Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	15,0	41,9628	279,752	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**15.711**	**2.769**	**17,625**	
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**15.711**	**2.769**	**17,625**	
1	**Chi quản lý hành chính**	**9.196**	**1.987**	**21,603**	
1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**7.200**	**1.614**	**22,415**	
	Loại 340 - Khoản 341 - Nguồn 13	7.055	1.613,9	22,875	
	Loại 340 - Khoản 341 - Nguồn 14	145	0	0,000	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 3	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 3 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
1.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**1.996**	**372,78**	**18,677**	
	Loại 340 - Khoản 341 - Nguồn 12	1.996	372,784	18,677	
2	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**428**	**14,76**	**3,449**	
	Loại 070 - Khoản 083 - Nguồn 12	428	14,76	3,449	
3	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**759**	**1,150**	**0,152**	
	Loại 160 - Khoản 171 - Nguồn 12	759	1,150	0,152	
4	**Chi sự nghiệp môi trường**	**0**	**0**	**0,000**	
	Loại 250 - Khoản 278 - Nguồn 12	0	0	0,000	
5	**Chi sự nghiệp kinh tế**	**3.784**	**404**	**10,675**	
	Loại 280 - Khoản 314 - Nguồn 12	140	0,000	0,000	
	Loại 280 - Khoản 332 - Nguồn 12	197	29,904	15,158	
	Loại 280 - Khoản 338 - Nguồn 12	3.447	374	10,852	
6	**Chương trình mục tiêu**	**1.544**	**363**	**23,484**	
	Loại 280 - Khoản 338 - Nguồn 12 **(Mã CTMT: 00513)**	1.516	363	23,918	
	Loại 280 - Khoản 338 - Nguồn 12 **(Mã CTMT: 00521)**	28	0	0,000	

Bình Định, ngày 09 tháng 10 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

Ngô Văn Tổng